

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng
đất đối với 18 thửa đất tại Tổ liên gia 33, Tổ dân phố 4,
phường Thành Nhất, thành phố Buôn Ma Thuột**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17/11/2016;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu giá tài sản;

Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14/11/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thu tiền thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 14/2015/TTLT-BTNMT-BTP ngày 04/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định việc tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 321/TTr-STNMT ngày 05/6/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất đối với 18 thửa đất tại Tổ liên gia 33, Tổ dân phố 4, phường Thành Nhất, thành phố Buôn Ma Thuột, cụ thể như sau:

1. Vị trí, diện tích, loại đất, mục đích sử dụng, hình thức và thời hạn sử dụng đất:

- Vị trí: Khu dân cư Tổ liên gia 33, Tổ dân phố 4, phường Thành Nhất, thành phố Buôn Ma Thuột.

- Diện tích của 18 thửa đất trúng đấu giá: **1.558,3 m²**.
- Mục đích sử dụng đất: Đất ở.
- Hình thức sử dụng đất: Giao đất có thu tiền sử dụng đất.
- Thời hạn sử dụng đất: Lâu dài.

2. Tên, địa chỉ của người trúng đấu giá quyền sử dụng đất, số tiền trúng đấu giá theo từng thửa đất (*có danh sách cụ thể kèm theo*).

3. Số tiền trúng đấu giá; phương thức, thời gian phải nộp tiền trúng đấu giá và địa điểm nộp:

a) Tổng số tiền trúng đấu giá tính trên 18 thửa đất: **31.093.000.000 đồng**, chưa bao gồm các khoản phí và lệ phí theo quy định.

b) Phương thức và thời gian phải nộp:

Lần thứ nhất: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế phát hành thông báo nộp tiền, người trúng đấu giá phải nộp số tiền bằng 50% giá trị trúng đấu giá (*sau khi đã trừ số tiền đặt trước*).

Lần thứ hai: Trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, người trúng đấu giá phải nộp đủ số tiền trúng đấu giá còn lại theo thông báo.

Trường hợp các ngày thứ năm, ngày thứ ba mươi trùng với ngày nghỉ hàng tuần, nghỉ lễ thì được tính đến ngày làm việc đầu tiên liền kề sau ngày nghỉ đó. Trường hợp người trúng đấu giá chậm nộp tiền sử dụng đất theo thông báo nộp tiền, thì mỗi ngày chậm nộp phải nộp thêm một khoản tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế.

Người trúng đấu giá có trách nhiệm nộp tiền vào Kho bạc Nhà nước theo thông báo nộp tiền của Chi cục Thuế thành phố Buôn Ma Thuột; chuyển chứng từ đã nộp cho cơ quan tài nguyên và môi trường để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

c) Địa điểm nộp:

Người trúng đấu giá nộp tiền sử dụng đất vào Tài khoản tạm gửi của Trung tâm Phát triển quỹ đất Đắk Lắk tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Đắk Lắk – Số 38 Nguyễn Chí Thanh, thành phố Buôn Ma Thuột. Tài khoản số: 3741.0.1087154.92999.

Lệ phí trước bạ: Nộp vào Kho bạc Nhà nước thành phố Buôn Ma Thuột.

Điều 2. Căn cứ Điều 1 Quyết định này, Giao UBND thành phố Buôn Ma Thuột chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Phòng Tài nguyên và Môi trường: Chuyển hồ sơ đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Buôn Ma Thuột để lập thủ tục chuyển thông tin sang Chi cục Thuế thành phố Buôn Ma Thuột để xác định nghĩa vụ tài chính theo quy định.

- Chi cục Thuế thành phố Buôn Ma Thuột: Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá

của UBND tỉnh, kèm theo phiếu chuyển thông tin do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Buôn Ma Thuột chuyển đến, cơ quan Thuế gửi thông báo nộp tiền sử dụng đất bằng văn bản cho người đã trúng đấu giá.

- Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Buôn Ma Thuột: Tham mưu UBND thành phố Buôn Ma Thuột cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan bàn giao đất trên thực địa cho người trúng đấu giá.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Chủ tịch UBND thành phố Buôn Ma Thuột, Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất Đắk Lắk và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký. /76

Nơi nhận

- Như Điều 3;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT. UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP. UBND tỉnh;
- TT TTCB;
- Lưu: VT, KT(Q-11b).

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hải Ninh

DANH SÁCH TRÚNG ĐẦU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT ĐỐI VỚI 18 THỬA ĐẤT
Tại Khu dân cư tổ liên gia 33, tổ dân phố 4, phường Thành Nhất, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
(Kèm theo Quyết định số 1327 QĐ-UBND ngày 14 /6/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Thửa đất	Diện tích (m2)	Giá khởi điểm (Đồng)	Tiền đặt trước (Đồng)	Giá trúng đấu giá (Đồng)	Lệ phí trước bạ (Đồng)	Tổng số tiền nộp (Đồng)	Chia ra	
										Lần 1, Sau khi trừ tiền đặt trước (Đồng)	Lần 2 (Đồng)
1	Nguyễn Duy Tứ	504/2 Phan Bội Châu, TP.Buôn Ma Thuột	A1-1	107,0	1.017.000.000	203.400.000	1.602.000.000	8.010.000	1.610.010.000	699.300.000	707.310.000
2	Mai Thị Mỹ Anh	127 Ngô Quyền, TP.Buôn Ma Thuột	A1-3	100,0	850.000.000	170.000.000	1.387.000.000	6.935.000	1.393.935.000	608.500.000	615.435.000
3	Nguyễn Văn Tâm	221 Phan Bội Châu, TP.Buôn Ma Thuột	A1-4	100,0	850.000.000	170.000.000	1.157.000.000	5.785.000	1.162.785.000	493.500.000	499.285.000
4	Văn Thị Thanh Hương	69 Phan Chu Trinh, TP. Buôn Ma Thuột	A1-5	100,0	850.000.000	170.000.000	921.000.000	4.605.000	925.605.000	375.500.000	380.105.000
5	Tô Thị Hiền	TDP 10, phường Tân Lợi, TP.Buôn Ma Thuột	A1-6	100,0	850.000.000	170.000.000	910.000.000	4.550.000	914.550.000	370.000.000	374.550.000
6	Vũ Thị Dương	418 Quang Trung, TP.Buôn Ma Thuột	A2-1	84,3	1.728.000.000	345.600.000	2.579.000.000	12.895.000	2.591.895.000	1.116.700.000	1.129.595.000
7	Nguyễn Thị Hinh	69 Trần Nhật Duật, TP.Buôn Ma Thuột	A2-3	97,6	1.708.000.000	341.600.000	1.865.000.000	9.325.000	1.874.325.000	761.700.000	771.025.000
8	Văn Thị Thanh Hương	69 Phan Chu Trinh, TP. Buôn Ma Thuột	A2-6	98,8	1.729.000.000	345.800.000	2.319.000.000	11.595.000	2.330.595.000	986.600.000	998.195.000
9	Đào Thị Thoại	40/37/3 Nguyễn Tất Thành, TP. Buôn Ma Thuột	A2-7	99,2	1.736.000.000	347.200.000	2.420.000.000	12.100.000	2.432.100.000	1.036.400.000	1.048.500.000
10	Đào Thị Thoại	40/37/3 Nguyễn Tất Thành, TP. Buôn Ma Thuột	A2-8	113,4	1.758.000.000	351.600.000	2.641.000.000	13.205.000	2.654.205.000	1.144.700.000	1.157.905.000
11	Nguyễn Thị Mỹ Lệ	38 Nguyễn Hồng, TP.Buôn Ma Thuột	D1	90,0	1.575.000.000	315.000.000	2.279.000.000	11.395.000	2.290.395.000	982.000.000	993.395.000
12	Nguyễn Thị Mỹ Lệ	38 Nguyễn Hồng, TP.Buôn Ma Thuột	D4	120,0	1.020.000.000	204.000.000	1.525.000.000	7.625.000	1.532.625.000	660.500.000	668.125.000
13	Nguyễn Thị Mỹ Lệ	38 Nguyễn Hồng, TP.Buôn Ma Thuột	D5	120,0	1.020.000.000	204.000.000	1.515.000.000	7.575.000	1.522.575.000	655.500.000	663.075.000
14	Lê Văn Bình	TDP 4, phường Thành Nhất, TP.Buôn Ma Thuột	D6	120,0	1.020.000.000	204.000.000	1.487.000.000	7.435.000	1.494.435.000	641.500.000	648.935.000
15	Trần Thị Hồng Sâm	12 Tô Vĩnh Diện, TP.Buôn Ma Thuột	D23	102,0	1.530.000.000	306.000.000	1.610.000.000	8.050.000	1.618.050.000	652.000.000	660.050.000
16	Trần Thị Hồng Sâm	12 Tô Vĩnh Diện, TP.Buôn Ma Thuột	D24	102,0	1.530.000.000	306.000.000	1.610.000.000	8.050.000	1.618.050.000	652.000.000	660.050.000
17	Nguyễn Thị Phương Lan	Khối 4, phường Tân An, TP.Buôn Ma Thuột	D25	102,0	1.530.000.000	306.000.000	1.610.000.000	8.050.000	1.618.050.000	652.000.000	660.050.000
18	Phạm Thị Kim Vân	128 Lê Hồng Phong, TP. Buôn Ma Thuột	D26	102,0	1.530.000.000	306.000.000	1.656.000.000	8.280.000	1.664.280.000	675.000.000	683.280.000
Tổng cộng				1.858,3	23.831.000.000	4.766.200.000	31.093.000.000	155.465.000	31.248.465.000	13.163.400.000	13.318.865.000